TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2026/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 8 - 2026
V/v: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Nguyễn Thị Thuê và bà Lại Thị Hồng Lê .

***Thư ký phiên toà*:** Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 265/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2026 về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị N, sinh ngày 04/10/1992; Số Căn cước công dân: 035192000999.

2/ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/8/1983; Số Căn cước công dân: 035083005653.

Cùng ở địa chỉ: Tổ dân phố T (nay là tổ dân phố T), phường N, tỉnh Ninh Bình.

(Phiên tòa có mặt chị N; vắng mặt anh H có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn chị Trịnh Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn anh chị có được tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam (nay là UBND phường N, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 15/02/2011, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2026 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi, xúc phạm nhau, anh H đi làm ở Hà Nội nhưng rất ít về và không quan tâm đến vợ con; mặc dù ở cùng nhà nhưng anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 03/2026, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

* Tại bản tự khai và tại biên bản lấy lời khai đề ngày 30/7/2026, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh và chị Trịnh Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 15/02/2011 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam (nay là UBND phường N, tỉnh Ninh Bình), được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận không có mâu thuẫn gì lớn, anh đi làm ăn xa nhà (anh thuê nhà và làm thạch cao ở Hà Nội), hàng tháng có về nhà với vợ con; khoảng đầu tháng 6/2026 chị N có gọi điện thoại cho anh nói về việc con trai anh là cháu Nguyễn Anh D ham chơi và yêu cầu anh phải về quê làm ăn để có thời gian dạy dỗ con cái nhưng anh chưa thu xếp được công việc; sau đó chị N đòi ly hôn, vợ chồng anh sống ly thân nhau mới hơn một tháng. Nay chị N xin ly hôn, anh không nhất trí, anh xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Chị N và anh H xác định vợ chồng có 03 con chung gồm: Nguyễn Anh D, sinh ngày 05/4/2012, Nguyễn Chí D1, sinh ngày 14/8/2013, Nguyễn Chí T, sinh ngày 14/10/2017. Hiện cả 03 cháu đang do anh chị nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn anh chị thống nhất đề nghị giao cả 03 con chung cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc, chị N không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Con nuôi, con riêng: Chị N và anh H đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của các cháu Nguyễn Anh D, Nguyễn Chí D1 và Nguyễn Chí T: Các cháu là con đẻ của mẹ Trịnh Thị N và bố Nguyễn Văn H, trường hợp bố mẹ ly hôn thì các cháu đều có nguyện vọng xin được ở với bố.

* Tại phiên toà:

- Nguyên đơn chị Trịnh Thị N giữ nguyên quan điểm, không thay đổi, bổ sung gì.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng cứ đúng quy định đúng quy định; tổ chức phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành và thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố

tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán. Đề nghị HĐXX tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trịnh Thị N.

Xử cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị N và anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu 03 con chung gồm: Nguyễn Anh D, sinh ngày 05/4/2012, Nguyễn Chí D1, sinh ngày 14/8/2013, Nguyễn Chí T, sinh ngày 14/10/2017 kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Văn H cư trú tại tổ dân phố T, phường N, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ án "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung" giữa chị Trịnh Thị N và anh Nguyễn Văn H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

[2] Về việc xét xử vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Chị Trịnh Thị N và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam (nay là UBND phường N, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 15/02/2011 đã thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị N, HĐXX thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2026 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi chửi, xúc phạm nhau; bên cạnh đó vợ chồng bất đồng quan điểm trong cách dạy dỗ con chung. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 03/2026 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh H. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; anh H xin đoàn tụ nhưng cũng không đưa ra được biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn của vợ chồng. Do vậy, cần xử ly hôn giữa chị N và anh H là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh chị có 03 con chung là các cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 05/4/2012, Nguyễn Chí D1, sinh ngày 14/8/2013, Nguyễn Chí T, sinh ngày 14/10/2017. Khi ly hôn chị N và anh H thống nhất giao cho anh H nuôi dưỡng cả 03 cháu, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc nuôi dưỡng con chung là quyền và là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái, tuy nhiên phải xem xét đến hoàn cảnh và điều kiện của mỗi bên; anh H hiện có công việc, thu nhập

và chỗ ở ổn định còn chị N thì công việc, thu nhập không ổn định. Quan điểm của cháu D, cháu D1, cháu T đều có nguyện vọng được ở với bố. Để ổn định cuộc sống cho các cháu cần giao cháu các cháu D, D1, T cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của các bên đương sự, nguyện vọng của các con chung, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con nuôi, con riêng: Chị N và anh H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị N và anh H không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025).

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị N và anh Nguyễn Văn H.

2/ Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Anh D, sinh ngày 05/4/2012, cháu Nguyễn Chí D1, sinh ngày 14/8/2013 và cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 14/10/2017 kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, tự lập được hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trịnh Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002265 ngày 25/6/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, Chị Trịnh Thị N có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Nguyễn Úy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Ngân